

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 228/2024/HS - ST
Ngày 26 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Trung Kiên

Bà Lâm Thị Thanh Thúy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Lê Cao Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Số 1 đường P, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 254/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 314/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Hồng C, sinh ngày 16 tháng 3 năm 1990, nơi sinh: Tiền Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp G, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang; nơi ở hiện tại: Không có nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C1, sinh năm: 1956 và bà Trần Thị P, sinh năm: 1960; vợ Lương Thị Ngọc T, sinh năm: 1982; có 01 con Nguyễn Lương Huy K, sinh năm: 2002; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 11/6/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Chị Trần Thị Thanh T1, sinh năm: 1987

Địa chỉ: 6 L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/11/2023, anh Trần Hoàng S có thuê một nhóm thợ hồ gồm: Lê Văn P1 người đứng ra nhận thầu, Nguyễn Hữu K1, Lê Văn O và Nguyễn Hồng C đến sửa mái nhà và chống thấm trên sân thượng tại nhà số F L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi thấy có người lạ đến sửa nhà, chị Trần Thị Thanh T1 (em gái anh S) lấy số tài sản khoảng 32 chỉ vàng 9999 gồm nhiều chiếc nhẫn với

trọng lượng mỗi chiếc từ 0,5 chỉ đến 2 chỉ và 01 sợi dây chuyền có trọng lượng 01 chỉ vàng 18k. Tất cả số vàng trên, chị T1 để trong một túi vải màu hồng có thắt nút cột túm bỏ vào chiếc bóp da, màu hồng thắm đặt trong valy để trong phòng ngủ của chị T1 tại lầu 3 của căn nhà. Khi thợ đến nhà làm việc, chị T1 lấy chiếc bóp da đựng vàng bỏ vào túi quần đùi Jeans và treo chiếc quần đùi trong nhà vệ sinh trong phòng ngủ của chị T1 tại lầu 3 căn nhà, đồng thời lấy chiếc khăn trùm lên quần đùi Jeans.

Đến khoảng 09 giờ 30 ngày làm việc thứ 3, Nguyễn Hồng C đi tiểu tiện trong nhà vệ sinh trong phòng ngủ của chị T1. Khi lau tay vào chiếc quần đùi jeans của chị T1 được treo trên móc trong nhà vệ sinh, C thấy trong túi quần jeans có vật gì cộm lên bên trong, C thò tay vào túi quần lấy ra một cái ví của nữ bằng da màu nâu đỏ thắm có khóa kéo, C kéo khóa ví ra thấy bên trong ví có 01 túi vải màu đỏ có thắt nút buộc túm ở đầu (giống loại túi đựng vàng), C mở ra thấy bên trong có hai xâu nhẫn vàng được cột bằng 2 cọng thun và 01 hộp hình tròn màu hồng (loại tiệm vàng hay dùng để đựng vàng). C lấy hai xâu nhẫn vàng ra gỡ cọng thun để lấy nhẫn, mỗi xâu C lấy khoảng nửa số nhẫn vàng cất vào túi quần của C. Số nhẫn vàng còn lại C buộc cọng thun lại như cũ cất vào túi quần Jeans như ban đầu. Sau khi lấy được vàng, C đi xuống tầng trệt mở cốp xe Dream của mình bỏ số vàng nhẫn vào cốp và đóng cốp lại, xong C đi lên lại sân thượng tiếp tục làm việc đến hết ngày. Sáng hôm sau, C tiếp tục đi xe Dream lên nhà anh S làm việc, vàng vẫn để trong cốp xe. C không thấy chủ nhà nói gì về việc mất vàng, C vẫn tiếp tục làm thêm 4-5 ngày nữa. Đến ngày 28/11/2023, C làm xong công việc, anh P1 cho C nghỉ.

Đến sáng ngày 29/11/2023, chị T1 vào nhà vệ sinh kiểm tra số tài sản trên thì phát hiện bị mất một phần tài sản khoảng 20 chỉ vàng nên anh S có liên hệ với nhóm thợ hồ để hỏi rõ nhưng P1, K1 và O nói không lấy trộm tài sản của chị T1, riêng C không quay lại gặp anh S để trao đổi. Ngày 11/12/2023, có bà Trần Thị Ngọc L tự xưng là mẹ vợ của C đến gặp chị T1 đề thương lượng bồi thường trước cho chị T1 27.000.000 đồng, số còn lại sẽ trả từ từ nhưng hai bên không thống nhất được với nhau nên ngày 18/12/2023, chị T1 đến Công an P2, quận T trình báo.

Sau khi lấy được vàng, C không lấy ra kiểm tra đếm xem bao nhiêu nhẫn vàng. Đến khi anh P1 gọi điện cho C nói “quay lại nhà bên Lạc Long Q để hỏi việc vì chủ nhà báo bị mất đồ, đã báo Công an”. Do sợ bị phát hiện và bị bắt nên C tắt máy điện thoại di động và bỏ điện thoại này ở nhà, lấy một cái điện thoại Oppo cũ ở nhà và đi xe máy Dream lên thành phố B, tỉnh Bình Dương để trốn và ở tại nhiều khách sạn khác nhau, C mang số vàng trộm được đi bán tại một tiệm vàng khu vực thành phố B (không rõ địa chỉ cụ thể), chủ tiệm đếm và cân được 1,9 cây vàng được 96.000.000 đồng tiêu xài cá nhân hết, khi mua bán vàng không làm giấy tờ gì. Ngày 03/6/2024, C về lại nhà trọ của vợ C tại P, huyện N để ở, đến trưa ngày 04/6/2024 C bị Công an xã P, huyện N bắt giữ bàn giao cho Công an P2, quận T xử lý. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, C đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng của vụ án: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1202 màu xanh, phím bấm cơ học. Bên trong có 01 sim điện thoại Viettel.

Theo Kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐĐGTS ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì 20 (hai mươi) chỉ vàng khâu (nhẫn) loại vàng 98% có giá trị là 119.000.000đ (Một trăm mười chín triệu) đồng.

Bản Cáo trạng số 245/CTr-VKS-TB ngày 08 tháng 11 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Hồng C về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng C phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng C từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị Thanh T1 yêu cầu bị cáo C bồi thường số tiền 119.000.000 đồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo phải bồi thường cho chị T1 số tiền nêu trên. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị miễn cho bị cáo.

Bị cáo trình bày lời bào chữa: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, bị cáo không bào chữa hay tranh luận gì với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Về yêu cầu bồi thường của bị hại, tại phiên tòa bị cáo cho rằng không có khả năng bồi thường số tiền 119.000.000 đồng cho bị hại.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo hối hận về hành vi của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Công an quận T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị hại: Chị Trần Thị Thanh T1 là bị hại đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Quá trình điều tra đã có lời khai của chị T1 và sự vắng mặt của bị hại không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận và quyết định xét xử vắng mặt chị Trần Thị Thanh T1.

[3] Lời khai tại phiên tòa của bị cáo Nguyễn Hồng C phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như lời khai của bị hại chị Trần Thị Thanh T1, Biên bản thực nghiệm điều tra, Biên bản nhận dạng, từ đó đã đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng tháng 11/2023,

Nguyễn Hồng C đã lợi dụng việc sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 20 chỉ vàng khâu (nhẫn), loại vàng 98% của chị Trần Thị Thanh T1 trị giá 119.000.000đ (Một trăm mười chín triệu) đồng. Với hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình truy tố bị cáo theo tội danh, điểm khoản trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, góp phần làm xấu đi tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, nhưng vì động cơ tư lợi muốn có được tài sản mà không phải bỏ công sức lao động chân chính, đã bất chấp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, nên cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy công việc bị cáo làm lao động tự do, thu nhập thấp và không ổn định, hoàn cảnh điều kiện kinh tế gia đình khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về biện pháp tư pháp:

[8.1] Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị Thanh T1 là bị hại có yêu cầu Tòa án buộc bị cáo C bồi thường số tiền 119.000.000 đồng tương đương với giá trị 20 chỉ vàng bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại. Xét thấy yêu cầu của chị T1 là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo C phải bồi thường cho chị Trần Thị Thanh T1 số tiền 119.000.000đ (Một trăm mười chín triệu) đồng

[8.2] Cơ quan Công an thu giữ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1202 màu xanh, phím bấm cơ học, bên trong có 01 sim điện thoại Viettel của Nguyễn Hồng C, không phải là vật chứng của vụ án, cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ chiếc điện thoại trên để đảm bảo thi hành án.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình áp dụng tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận. Tuy nhiên, mức án Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là

chưa đánh giá đúng về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo; không đáp ứng được công tác đấu tranh, phòng chống loại tội phạm này đang có chiều hướng gia tăng. Trong vụ án này hậu quả từ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nghiêm trọng với số tiền thiệt hại lên đến hàng trăm triệu đồng, nhưng cho đến nay bị cáo vẫn chưa bồi thường để khắc phục hậu quả cho bị hại. Do đó, xét trên phương diện ý nghĩa hình phạt áp dụng đối với bị cáo, ngoài mục đích trừng trị, răn đe, phòng ngừa tội phạm đối với chính người phạm tội thì còn mục đích răn đe, hạn chế hành vi phạm tội, mang tính phòng ngừa chung trong xã hội, nên để đảm bảo tính nghiêm trị nhằm phòng ngừa tội phạm mới thì cần phải áp dụng mức án nghiêm khắc đối với bị cáo, vì vậy không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1, khoản 3 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 5.950.000đ (Năm triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[11] Bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 48 và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 30; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 292; khoản 1, khoản 3 Điều 329 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hồng C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng C 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/6/2024.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Hồng C với thời hạn 45 ngày để bảo đảm thi hành án, theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử.

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Hồng C.

3. Về biện pháp tư pháp:

3.1. Buộc bị cáo Nguyễn Hồng C phải bồi thường cho chị Trần Thị Thanh T1 số tiền 119.000.000đ (Một trăm mười chín triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3.2. Giao trả 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1202 màu xanh, phím bấm cơ học, bên trong có 01 sim điện thoại Viettel cho bị cáo Nguyễn Hồng C, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án theo Phiếu nhập kho vật chứng số 197/PNK ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hồng C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 5.950.000đ (Năm triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (PC53);
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Bình;
- Công an quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Chính